

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 19-3-2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ:
Đòi tiền công cắt lúa và yêu cầu
phản tố đòi bồi thường tiền đặt cọc
mua bán lúa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghê

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Ông Võ Văn Liềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoài Vinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/3/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ: Đòi tiền công cắt lúa và yêu cầu phản tố đòi bồi thường tiền đặt cọc mua bán lúa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn M (tên thường gọi: Chín D) - Sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L– Sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt);

Anh Phạm Văn Ph– Sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị K– sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

Anh Lê Văn K– sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Anh Trương Hoàng D– sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/4/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn M trình bày:

Vào ngày 21/3/2018, giữa ông với vợ chồng anh Ph, chị L có thỏa thuận miệng về việc ông M nhận cắt 17 công lúa cho vợ chồng anh Phúc, giá mỗi công là 260.000đ. Ông M đã cắt xong 17 công lúa nhưng anh Ph, chị L không trả tiền

công cắt cho ông và nợ lại số tiền bằng 4.420.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn buộc ông bồi thường tiền cọc cân lúa bằng 4.420.000đ thì ông không đồng ý. Ông M cho rằng, ông có cò cân lúa cho ghe của anh Trương Hoàng D, anh Phúc có 27 công nhưng chỉ chín được có 10 công nên ông bỏ cọc 10 công là 3.000.000đ, còn lại 17 công chưa chín nên ông không bỏ cọc và nói anh Ph bán được cho ai thì bán chứ ông không mua 17 công này, còn việc Ph thỏa thuận bán cho ai thì ông không biết, ông không có bỏ cân lúa như vợ chồng anh Ph khai nại.

Tại phiên tòa, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn Ph phải trả cho ông tiền công cắt 17 công lúa bằng 4.420.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, ngày 07/5/2018 bị đơn có đơn yêu cầu phản tố, tại các bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 30/5/2018, bị đơn anh Phạm Văn Phúc, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Anh Ph, chị L thừa nhận có cò kê ông Trần Văn M cắt 17 công lúa giá 260.000đ/công, tổng cộng bằng 4.420.000đ vợ chồng anh chưa trả cho ông M.

Nhưng do ông M hứa cân lúa của vợ chồng anh nhưng bỏ không cân nên mới không đồng ý trả tiền cắt lúa cho ông M. Việc ông M hứa cân lúa của vợ chồng anh chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng gì hết, ông M cũng chưa đưa tiền cọc lúa cho anh Phúc, chị L nên anh chị tự trừ tiền cắt lúa coi như tiền ông M cọc lúa, ông M bỏ không cân lúa thì mất cọc.

Nguyên vọng: Anh Ph, chị L thừa nhận còn nợ ông M tiền công cắt lúa bằng 4.420.000đ nhưng không đồng ý trả và có yêu cầu phản tố buộc ông M phải bồi thường tiền cọc cân lúa cho anh chị bằng 4.420.000đ, khấu trừ số tiền 4.420.000đ tiền cắt lúa của ông M, coi như anh chị đã trả xong.

Những người làm chứng trình bày:

- Chị Trần Thị K khai: Chị không có trực tiếp chứng kiến hay tham gia gì vào thỏa thuận mua bán lúa giữa anh Phúc, chị L với ông M. Chị chỉ biết sự việc qua lời nói lại của anh Phúc, chị L là: Ông M làm cò dẫn ghe mua và máy vô cắt lúa của chị L, thỏa thuận thì chị không để ý là như thế nào nhưng chỉ có bữa tối khoảng hơn 8 giờ tối (không nhớ ngày) chị L kêu chị lại coi cho ghe cân lúa (cân tiếp) nhưng do muỗi quá với nhiều lúa không cân được nên chị từ chối không lại. Lúc đó, anh Phúc ở ngoài ruộng điện thoại vô cho chị L nói là không cân thì bỏ lúa, còn tiền cọc thì nghe nói trước đó là không có lấy nên không nói gì. Chị cũng không biết việc hai bên tranh chấp tiền cọc gì hết.

- Anh Trương Hoàng D khai: Vào vụ lúa đông xuân năm 2018, ông M là cò lúa cho anh mua lúa của người dân ở cánh đồng bom trong đó có lúa của gia đình anh Ph. Ông M là người trực tiếp đi coi lúa của ông Ph rồi báo lại cho anh, ông M nói lúa ông Ph tổng cộng có 27 công, 10 công đã chín nên đã bỏ cọc 3.000.000đ và cân xong, còn lại 17 công do sạ sau chưa chín nên ông M gọi cho anh nói chưa chín nên không dám bỏ cọc. Sau đó, chị L có trực tiếp gọi điện cho anh năn nỉ anh mua 17 công còn lại, anh mới hỏi chính xác ngày sạ chị L mới nói đúng là sạ của 17 công này sau ngày sạ của 10 công trước đã mua nên 02 bên thống nhất được ngày cắt là ngày mùng 05 và ngày mùng 07 cân, không có thỏa thuận về việc đặt cọc. Đến ngày hẹn cân lúa, do ghe anh cân nhiều chỗ nên

đến khoảng 07 giờ tối đổ lại mới đến chỗ chị L cân lúa thì vợ chồng anh Phúc không chịu cân vì nói là trời tối. Vợ anh có năn nỉ anh Ph cân nhưng vợ chồng anh Ph không đồng ý cân nên anh cho ghe chạy về không cân nữa, sau đó vợ chồng anh Ph bán cho ai thì anh không biết. Việc mua bán 17 công lúa sau này của chị L, ông M không có đứng ra làm cò trung gian mà bà L trực tiếp gọi điện thỏa thuận với anh, ông M không có liên quan gì với 17 công này.

Ông M cắt lúa chị L xong mới gọi cho anh tới cân lúa, toàn bộ 27 công của vợ chồng ông Phúc là do ông M cắt hết. Còn việc vợ chồng Ph có trả tiền cắt cho ông M không thì anh nghe nói là chưa trả.

- Anh Lê Văn K khai: Sau khi vợ chồng anh Ph đã bán 10 công lúa đợt trước cho anh Trương Hoàng Drồi thì còn lại 17 công chưa chín bên anh Dân không muốn mua nên cậu Ph có nhờ anh kêu anh Dân coi mua 17 công lúa dùm thì anh nói với anh D mua giùm cho cậu Ph đi, anh D có nói để coi lúa rồi tính sau. Sau này 02 bên có cân lúa với nhau không thì anh không biết vì anh đi nuôi bệnh ở thành phố, sau này về mới nghe nói sự việc cậu Phúc không chịu cân lúa cho anh D vì nói trời tối nên anh D không cân lúa nữa. anh có nghe ông M nói không mua 17 công sau này vì còn xanh quá nên sau này ông M không có tham gia mua bán 17 công này. Ngoài ra, anh cũng biết ông M là người cắt toàn bộ 27 công của vợ chồng cậu Ph. Còn việc vợ chồng cậu Ph có trả tiền cắt 17 công sau này cho ông M không thì anh nghe nói là chưa trả chứ cũng không biết rõ.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ: Đòi tiền công cắt lúa và yêu cầu phản tố đòi bồi thường tiền đặt cọc mua bán lúa” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án nên cần được khắc phục.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 513, Điều 515 Bộ luật dân sự : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền công cắt lúa là 4.420.000đ; áp dụng Điều 328 Bộ luật dân sự không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên ông Trần Văn M khởi kiện anh Phạm Văn Ph, chị Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ: Đòi tiền công cắt lúa” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có yêu cầu phản tố theo Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Phạm Văn Ph, chị Nguyễn Thị L là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 21/3/2018, giữa ông Trần Văn M với vợ chồng

anh Phúc, chị L có thỏa thuận về việc ông M nhận cắt 17 công lúa cho vợ chồng anh Phúc, giá mỗi công là 260.000đ, tổng cộng bằng 4.420.000đ. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng, hẹn khi nào cắt xong sẽ trả đủ tiền nhưng đến nay vợ anh Ph, chị L vẫn chưa thực hiện nên ông M khởi kiện đòi lại số nợ này. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng dịch vụ giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 513 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của ông M đòi vợ chồng anh Ph, chị L trả số tiền cắt lúa tổng cộng bằng 4.420.000đ đã được anh Phúc, chị L thừa nhận nên không phải chứng minh.

[4] Tuy nhiên, phía bị đơn cho rằng do ông M hứa cân lúa nhưng bỏ không cân nên không đồng ý trả tiền cắt lúa cho ông M và có yêu cầu phản tố buộc ông M phải bồi thường tiền cọc cân lúa cho anh chị bằng 4.420.000đ, khấu trừ số tiền 4.420.000đ tiền cắt lúa của ông M, coi như anh chị đã trả xong. Để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình, bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập và ghi lời khai của người làm chứng là chị Nguyễn Thị K, chị K khai: "... Chị không có trực tiếp chứng kiến hay tham gia gì vào thỏa thuận mua bán lúa giữa ông Ph, bà L với ông M, chị cũng không biết việc hai bên tranh chấp tiền cọc gì hết...". Ngoài ra, phía bị đơn không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình vì cho rằng lúc đó 02 bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng cũng không có nhận tiền cọc trước.

Đối với yêu cầu phản tố này của anh Ph, chị L không được ông M thừa nhận, ông cho rằng không có hứa cân lúa như vợ chồng anh Phúc khai nên không đồng ý trừ tiền cắt qua tiền cọc lúa. Qua đánh giá lời khai của 02 người làm chứng là anh Trương Hoàng D (do ông M yêu cầu) và anh Nguyễn Văn Kh (do Tòa án tự thu thập) thấy rõ: Việc mua bán 17 công lúa sau này của vợ chồng anh Ph không có liên quan gì đến ông M mà do chị L trực tiếp thỏa thuận với anh D. Hơn nữa, cả ba người làm chứng đều xác nhận ông M là người cắt toàn bộ 27 công lúa của vợ chồng anh Ph, trong đó có 17 công đã cắt nhưng chưa thanh toán, việc này cũng được phía bị đơn thừa nhận nên yêu cầu của ông M đòi vợ chồng anh Ph, chị L phải trả số tiền cắt lúa bằng 4.420.000đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 515 Bộ luật Dân sự 2015; Yêu cầu phản tố của anh Ph, chị L không có căn cứ theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự 2015 nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn Ph, chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ do anh chị có lỗi trong vụ kiện này và phải chịu án phí 300.000đ do yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Ông Trần Văn M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 328, Điều 513, Điều 515 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M.

Buộc anh Phạm Văn Ph, chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn M số tiền 4.420.000đ (bốn triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Bác yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn Ph, chị Nguyễn Thị L về việc đòi ông M phải bồi thường tiền cọc cân lúa cho anh chị bằng 4.420.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông M cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Ph, chị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn Ph, chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ và phải chịu án phí 300.000đ do yêu cầu phản tố không được chấp nhận, tổng cộng hai khoản là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001924 ngày 10/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang . Như vậy, anh Phúc, chị L còn phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Ông Trần Văn M được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001898 ngày 18/4/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/3/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nghê